



HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM
VIETNAM BANKS ASSOCIATION

NĂM THỨ XVIII

SỐ 23
(392)

THÁNG 12/2013

ISSN 1859-2805

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

FINANCIAL & MONETARY MARKET REVIEW



HỘI NGHỊ HỘI ĐỒNG HIỆP HỘI NGÂN HÀNG ASEAN LẦN THỨ 43

HỘI THẢO

“Những khuyến nghị chính sách kinh tế
và điều hành chính sách tiền tệ 2014-2015”

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Dương Thu Hương
PGS, TS. Trần Thị Hà
PGS, TS. Đinh Thị Diên Hồng
TS. Hoàng Huy Hà
TS. Phùng Khắc Kế
PGS, TS. Nguyễn Thị Mùi
GS, TS. Dương Thị Bình Minh
GS, TS. Nguyễn Văn Nam
PGS, TS. Đỗ Tất Ngọc
TS. Vũ Viết Ngoạn
PGS, TS. Nguyễn Thị Nhung
PGS, TS. Nguyễn Ngọc Oánh
TS. Nguyễn Văn Thạnh
TS. Nguyễn Thanh Toại
ThS. Nguyễn Đức Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

Trần Thị Thanh Bích

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thị Thanh Hương

THƯ KÝ TÒA SOẠN

Nguyễn Minh Phương

TRÌNH BÀY

Đặng Huy Hoàng

TÒA SOẠN

193 Bà Triệu,
Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 38218685; 39742309;
38218683
Fax: (04) 39742307
E.mail: taichinhthientie@yahoo.com
Website: http://www.vnba.org.vn
Tài khoản: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam
Số hiệu: 102010000028161 tại Ngân hàng
TMCP Công thương Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội- Số 6 Ngõ Quyền, Hà Nội

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 8 Võ Văn Kiệt,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38216608; 38213957
Fax: (08) 38296076

GPXB số: 2238/GPXB của Bộ VHTT
Chế bản điện tử tại Tòa soạn
In tại Xưởng in NXB Nông nghiệp

Giá: 15.000 Đồng

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- 1 **HỘI NGHỊ HỘI ĐỒNG HIỆP HỘI NGÂN HÀNG ASEAN LẦN THỨ 43**
THANH HƯƠNG
- 4 **"ÁP LỰC LÊN TỶ GIÁ THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM SẼ KHÔNG LỚN"**
Đ.T
- 13 **HỘI THẢO "NHỮNG KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ 2014-2015"**
P.V
- 14 **NHỮNG ĐỔI MỚI CẦN BẮN TRONG HOẠT ĐỘNG KH&CN NGÂN HÀNG TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY - THÁCH THỨC VÀ NHIỆM VỤ CHO NHỮNG NĂM TIẾP THEO**
ThS. NGUYỄN THỊ HIỀN - ThS. LÊ THỊ THU HIỀN

DIỄN ĐÀN NGHIÊN CỨU VỀ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

- 18 **THÀNH CÔNG TRONG QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐÃ GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ**
PGS, TS. NGUYỄN ĐẮC HUNG
- 22 **QUẢN LÝ NỢ CÔNG VÀ ĐẦU TƯ CÔNG Ở VIỆT NAM - THÁCH THỨC VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**
ThS. NGUYỄN VĂN CHIẾN
- 26 **PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM HOÀN ĐỔI TIỀN TỆ CHÉO TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**
ThS. NGUYỄN MINH SÁNG - NGUYỄN THỊ HẠNH HOA
- 29 **HỢP TÁC CÔNG TƯ LÀ GIẢI PHÁP GIẢM CHI NGÂN SÁCH VÀ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỘNG KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM**
PGS, TS. HOÀNG VĂN HOAN - NGUYỄN THỊ ANH THU
- 33 **GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TÍN DỤNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG**
MINH QUANG
- 36 **THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG PHÁT TRIỂN THANH TOÁN BIÊN MẠU Ở VIỆT NAM**
ThS. VƯƠNG THỊ MINH ĐỨC

NHÌN RA THẾ GIỚI

- 39 **MYANMAR ĐIỂM ĐẾN VÀNG CUỐI CÙNG CỦA ĐÔNG NAM Á**
TS. NHỮ TRONG BÁCH

TƯ VẤN PHÁP LUẬT - NGHIỆP VỤ

- 43 **ĐẨY MẠNH THANH TOÁN QUA POS**
X.T

VĂN HÓA-XÃ HỘI

- 44 **KHÔNG THỂ NÀO QUÊN**
TS. NGUYỄN QUỐC VIỆT



CHIA SẺ CƠ HỘI, HỢP TÁC THÀNH CÔNG

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

ThS. NGUYỄN MINH SÁNG
NGUYỄN THỊ HẠNH HOA

Ở CÁC THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NƯỚC NGOÀI, VIỆC SỬ DỤNG CÔNG CỤ PHÁI SINH NHẦM MỤC ĐÍCH PHÒNG NGỪA RỦI RO VÀ TÌM KIẾM LỢI NHUẬN RẤT PHỔ BIẾN, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI CÁC CÔNG CỤ PHÁI SINH VỀ LÃI SUẤT, TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM CÁC CÔNG CỤ NÀY TUY KHÔNG XA LẠ DO ĐÃ ĐƯỢC CHO PHÉP THỰC HIỆN BỞI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NHƯNG VẪN CHƯA PHỔ BIẾN VÀ VIỆC SỬ DỤNG CHÚNG TRONG PHÒNG NGỪA RỦI RO LÃI SUẤT ĐỐI VỚI CÁC NGÂN HÀNG TRONG NƯỚC CÒN NHIỀU HẠN CHẾ. TRONG BÀI VIẾT NÀY, TÁC GIẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM HOÁN ĐỔI TIỀN TỆ CHÉO (CROSS CURRENCY SWAP - CCS) HAY HOÁN ĐỔI LÃI SUẤT CHÉO GIỮA HAI LOẠI TIỀN TỆ (CROSS CURRENCY INTEREST RATE SWAP - CCIRS) - MỘT SẢN PHẨM TÀI CHÍNH PHÁI SINH TƯƠNG ĐỐI MỚI GIÚP CÁC NGÂN HÀNG CÓ THỂ PHÒNG NGỪA RỦI RO LÃI SUẤT MỘT CÁCH CHỦ ĐỘNG VÀ TĂNG THÊM TIỆN ÍCH CHO CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU GIÚP PHÒNG NGỪA RỦI RO TỶ GIÁ VÀ RỦI RO LÃI SUẤT KHI SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.



Cơ sở lý thuyết

Theo quan điểm của Ủy ban Basel (Basel, 2004) thì rủi ro lãi suất trong hoạt động của các định chế tài chính và ngân hàng là sự tác động của việc thay đổi lãi suất lên thu nhập từ lãi và các thu nhập khác nhạy cảm với lãi suất. Lãi suất thay đổi cũng tác động đến quy mô của tổng tài sản cũng như nguồn vốn của ngân hàng và các công cụ ngoại bảng bởi vì khi lãi suất thay đổi làm thay đổi dòng tiền mà ngân hàng hay các định chế tài chính nhận được trong tương lai. Cũng theo Ủy ban Basel (Basel, 2004), rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng xuất phát từ 4 nguyên nhân chính bao gồm: Rủi ro định giá lại phát sinh từ sự không phù hợp giữa kỳ hạn và lãi suất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn của ngân hàng; Rủi ro do đường cong lãi suất thay đổi trong độ dốc và hình dạng; Rủi ro

cơ bản xuất phát từ sự tương quan không hoàn hảo giữa việc điều chỉnh mức lãi suất đi vay và lãi suất cho vay của các tài sản tài chính khác nhau nhưng kỳ định giá lại tương đương nhau và cuối cùng là Rủi ro phát sinh từ các hợp đồng quyền chọn đi kèm mà ngân hàng đã ký kết với khách hàng làm cho ngân hàng bị thụ động về thời gian phát sinh/không phát sinh dòng tiền.

Rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng sẽ tác động đến sự ổn định và phát triển bền vững của ngân hàng cũng như hệ thống tài chính quốc gia. Tuy nhiên, các biện pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam chủ yếu là các biện pháp phòng ngừa rủi ro nội bảng như: sử dụng thị trường liên ngân hàng; xây dựng cơ chế định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP - Fund Transfer Pricing) giúp cân

đối khe hở nhạy cảm lãi suất trong nội bộ ngân hàng; thay đổi quy mô của các khoản mục bên tài sản hoặc nguồn vốn giúp cân bằng khe hở nhạy cảm và chênh lệch thời lượng của các nhóm tài sản và nguồn vốn nhạy cảm lãi suất; thiết lập các giới hạn về tỷ lệ khe hở nhạy cảm lãi suất và các hệ số nhạy cảm lãi suất trên tổng tài sản giúp hạn chế tối đa các tổn thất có thể khi xảy ra rủi ro lãi suất và biện pháp phổ biến nữa được các NHTM Việt Nam thực hiện giúp phòng ngừa rủi ro lãi suất, đó là việc thả nổi lãi suất huy động và cho vay theo cơ chế thỏa thuận lãi suất. Chính việc thả nổi lãi suất đã giúp ngân hàng điều chỉnh được lãi suất theo thị trường nhằm cân đối quy mô tài sản và nguồn vốn giúp phòng tránh rủi ro lãi suất nhưng chính doanh nghiệp và khách hàng lại là đối tượng gánh chịu rủi ro lãi suất thay cho ngân hàng.

Theo Ngân hàng Trung ương Anh (2004), sản phẩm hoán đổi lãi suất chéo giữa hai loại tiền tệ (CCIRS) hay sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo (CCS) là hợp đồng trao đổi các khoản thanh toán lãi suất của hai loại tiền tệ khác nhau. Theo hướng dẫn sử dụng dịch vụ của UniCredit Bank (2013) thì sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo là sự trao đổi việc thanh toán lãi suất trên một số tiền danh nghĩa cố định giữa hai bên ký kết hợp đồng. Ngoài việc trao đổi thanh toán lãi suất vay phải trả hoặc lãi suất thanh toán phải thu, có hai sự trao đổi nguồn vốn vay hoặc cho vay bằng hai loại tiền tệ khác nhau vào thời điểm bắt đầu ký kết hợp đồng và vào ngày đáo hạn của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo. Tùy thuộc vào nhu cầu của các bên trong hợp đồng mà sự trao đổi nguồn vốn vay hoặc cho vay bằng hai loại tiền tệ khác nhau ban đầu có thể được thực hiện hay bỏ qua (Naoki Shinada, 2005).

Dựa vào lãi suất áp dụng cho từng loại tiền tệ được áp dụng, sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo được phân chia thành 4 loại cơ bản:

Bảng 1: Phân loại sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo

Loại sản phẩm	Lãi suất áp dụng của đồng tiền thứ 1	Lãi suất áp dụng của đồng tiền thứ 2
1	Cố định	Thả nổi
2	Cố định	Thả nổi
3	Thả nổi	Cố định
4	Thả nổi	Cố định

Ở Việt Nam, giao dịch hoán đổi ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện từ ngày 10/01/1998 với Quyết định số 17/1998/QĐ-NHNN7. Tuy nhiên, mãi đến năm 2003 với Quyết định 1133/2003/QĐ-NHNN ngày 30/09/2003 thì nghiệp vụ hoán đổi lãi suất mới chính thức được cho phép thực hiện trên thị trường Việt Nam. Đến Quyết định số 62/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước thì nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ chéo mới được quy định tại mục 2 điều 4. Theo đó, hoán đổi lãi suất giữa

hai đồng tiền hay hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo, trong đó việc trao đổi vốn gốc đầu kỳ do các bên thỏa thuận thực hiện hoặc không thực hiện, nhưng bắt buộc phải có trao đổi vốn gốc vào cuối kỳ theo tỷ giá được thỏa thuận từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Nghiên cứu tình huống điển hình

Để hiểu thêm về cách thức sử dụng sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cũng như cơ chế giúp các NHTM hoặc doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro lãi suất và tỷ giá bài viết sẽ phân tích các tình huống cụ thể như sau:

Ngân hàng A có khoản phải thu bằng USD nhưng đối mặt với khoản chi trả hiện tại bằng VND. Để có VND sử dụng, ngân hàng A sẽ ký kết hợp đồng tín dụng vay 22 tỷ VND với lãi suất thả nổi từ ngân hàng B sử dụng, tuy nhiên lúc này ngân hàng A vừa sợ lãi suất VND tăng và vừa lo ngại USD sẽ giảm giá. Để đối phó với rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trong trường hợp này, ngân hàng A ký kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo với ngân hàng B. Chi tiết của hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo như sau:

- ♦ Ngày hiệu lực của hợp đồng: 30/10/2013
- ♦ Tỷ giá hoán đổi thỏa thuận: 1 USD = 22.000 VND
- ♦ Số VND trao đổi ban đầu (nếu có): 22 tỷ VND
- ♦ Số USD trao đổi ban đầu (nếu có): 1 triệu USD
- ♦ Lãi suất USD cố định 5,25%/năm cho kỳ tính lãi 3 tháng
- ♦ Lãi suất VND thả nổi theo lãi suất VNIBOR + 2,5%/năm cho kỳ tính lãi 3 tháng
- ♦ Định kỳ trả lãi: 3 tháng

Ngày đáo hạn của hợp đồng: 30/10/2015

Ngân hàng A và ngân hàng B có 2 lựa chọn khi có thể trao đổi vốn gốc đầu kỳ hoặc lựa chọn là không trao đổi vốn gốc đầu kỳ vào ngày hiệu lực của hợp đồng:

Trường hợp không trao đổi vốn gốc đầu kỳ

Vào ngày hiệu lực của hợp đồng 30/10/2013: Ngân hàng A không phải chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc VND đã vay tại hợp đồng tín dụng và ngân hàng B không phải chuyển cho ngân hàng A số tiền gốc ngoại tệ tương ứng tại tỷ giá hoán đổi thống nhất tại thời điểm giao dịch.

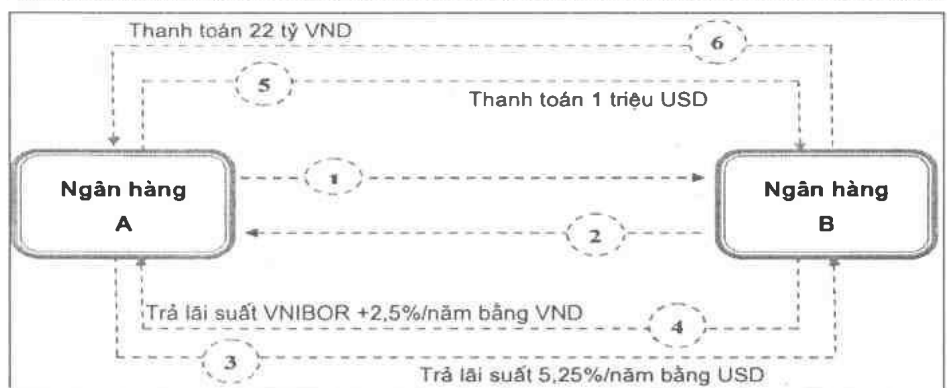
Sau mỗi 3 tháng kể từ ngày 30/10/2013 là ngày định kỳ thanh toán lãi: ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền lãi bằng USD theo lãi suất cố định là 5,25%/năm (3), đồng thời ngân hàng B chuyển cho ngân hàng A số tiền lãi VND theo lãi suất VNIBOR + 2,5%/năm (4).

Vào ngày đáo hạn của hợp đồng 30/10/2015: ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc ngoại tệ là 1 triệu USD (5) và ngân hàng B chuyển lại cho ngân hàng A số tiền 22 tỷ VND (6) theo tỷ giá hoán đổi thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

Trường hợp có trao đổi vốn gốc đầu kỳ

Vào ngày hiệu lực của hợp đồng 30/10/2013: Ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc 22 tỷ VND (1) đã vay tại hợp đồng tín dụng và ngân hàng B phải chuyển cho khách hàng A số tiền gốc ngoại tệ tương ứng là 1 triệu USD (2) theo tỷ giá hoán đổi thỏa thuận tại thời điểm giao dịch. Sau đó, ngân hàng A bán lại 1 triệu USD (3) cho ngân hàng theo tỷ giá hoán đổi đã thỏa thuận và nhận 22 tỷ VND (4).

Hình 1: Sơ đồ dòng tiền của hợp đồng CCS không trao đổi vốn gốc ban đầu



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu



Các NHTM cần xem sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo vừa là sản phẩm cung cấp cho khách hàng giúp ngân hàng gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường vừa là công cụ quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá cho ngân hàng.

Sau mỗi 3 tháng kể từ ngày 30/10/2013 là ngày định kỳ thanh toán lãi: ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền lãi bằng USD theo lãi suất cố định là 5,25%/năm (5), đồng thời ngân hàng B chuyển cho ngân hàng A số tiền lãi VND theo lãi suất VNIBOR + 2,5%/ năm (6).

Vào ngày đáo hạn của hợp đồng 30/10/2015: ngân hàng A chuyển cho ngân hàng B số tiền gốc ngoại tệ là 1 triệu USD (7) và ngân hàng B chuyển lại cho ngân hàng A số tiền 22 tỷ VND (8) theo tỷ giá hoán đổi thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

Kết quả, sau khi ký kết hợp đồng hoàn đổi tiền tệ chéo với ngân hàng B thì ngân hàng A đạt được một số mục tiêu như sau:

Đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn - Có vốn VND sử dụng vào thời điểm 30/10/2013.

Tránh được rủi ro tỷ giá - Không sợ USD giảm giá vào thời điểm đáo hạn vì đã ký kết hợp đồng hoán đổi và thỏa thuận

thanh toán số USD nhận được vào ngày đáo hạn, đồng thời số VND nhận được dùng để thanh toán luôn cho hợp đồng tín dụng đáo hạn vào ngày 30/10/2015.

Phòng chống rủi ro lãi suất - Không sợ phần vốn vay VND tăng lãi suất vì ngân hàng A đã được ngân hàng B thanh toán định kỳ 3 tháng theo lãi suất VND thả nổi. Lãi suất định kỳ ngân hàng A phải thanh toán là USD thì luôn cố định.

Chi phí sử dụng vốn thấp - Ngân hàng A được sử dụng vốn bằng VND với lãi suất bằng USD với chi phí thấp hơn. Do ngân hàng A có nguồn thu USD đảm bảo nên tránh được rủi ro tỷ giá.

Tình huống trên chỉ là tình huống nghiên cứu điển hình để cho thấy cách thức áp dụng của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cũng như những ưu điểm mà sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo mang lại cho các đối tượng sử dụng dịch vụ. Đối tượng sử dụng sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo

có thể là các NHTM hoặc các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nhu cầu sử dụng vốn vay VND trong khi có nguồn thu ngoại tệ từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Một số kiến nghị

Tuy có nhiều lợi ích như vậy nhưng ở Việt Nam hiện nay, việc phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo còn nhiều bất cập và mức độ phổ biến chưa cao. Theo tìm hiểu của nhóm nghiên cứu, hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo chủ yếu được thực hiện bởi các ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Đối với các NHTM trong nước thì chỉ có một số ngân hàng như: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank), Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) và Ngân hàng TMCP Đại chúng (PvcomBank)... cung cấp sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo. Nhằm phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo tại các NHTM Việt Nam nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và kiến nghị như sau:

Đối với các NHTM:

- Các NHTM cần xem sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo vừa là sản phẩm cung cấp cho khách hàng giúp ngân hàng gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường vừa là công cụ quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá cho ngân hàng.

- Các NHTM cần chủ động ban hành quy trình triển khai sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo, trong đó cần quy định cụ thể nhiệm vụ của các bộ phận có liên quan cũng như cách thức thực hiện sản phẩm dịch vụ.

- Khi cung cấp sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cho các khách hàng, các NHTM phải chủ động sử dụng các giao dịch đối ứng như là công cụ ngoại bảng cần thiết giúp ngân hàng có thể phòng tránh rủi ro.

- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ nhân sự trực tiếp thực hiện nghiệp vụ và tư vấn cho khách hàng về sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo.

- Tích cực quảng bá và giới thiệu sản phẩm cho khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ, nhất là đối với các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Hình 2: Sơ đồ dòng tiền của hợp đồng CCS có trao đổi vốn gốc ban đầu



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

(Xem tiếp trang 35)

chuyên canh theo mô hình công nghiệp. Chính phủ cần chỉ đạo chính quyền địa phương, các cấp, các ngành thực hiện công tác quy hoạch phát triển các vùng, tiểu vùng chuyên canh, thâm canh nông nghiệp. Để phát triển nông nghiệp theo mô hình công nghệ cao, Chính phủ nên tăng cường các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân về khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, kinh tế nông thôn. Chính phủ cần giao cho một số Bộ, ngành phối hợp với chính quyền các tỉnh trong vùng thúc đẩy xúc tiến đầu tư, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Song song với đó, các địa phương lựa chọn những sản phẩm chủ lực có thế mạnh của từng vùng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ và tạo ra những chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát triển và đa dạng hóa bảo hiểm nông nghiệp và sản phẩm tín dụng; đa dạng hóa các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp nhằm sớm khắc phục được những tồn tại như số lượng bảo hiểm chưa nhiều, chưa đa dạng, chưa được quan tâm đúng mức; tuyên truyền rộng rãi tới người dân về những mặt tích cực của bảo hiểm nông nghiệp, từ đó người dân mới nhiệt tình tham gia.

Đối với Ngân hàng Nhà nước, cần yêu cầu các NHTM nghiên cứu xây dựng đề án cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, chủ động thiết kế mạng lưới, chương trình hoạt động, sản phẩm dịch vụ ngân hàng một cách thích hợp và có hiệu quả. Chi nhánh NHNN các tỉnh vùng ĐBSCL cần nghiên cứu và xây dựng chính sách cho vay với thủ tục đơn giản hơn, quy trình thẩm định dễ dàng để người dân dễ dàng tiếp cận vốn tín dụng chính thức, thời hạn cho vay phải phù hợp với chu kỳ sản xuất nông nghiệp. NHNN cần có chính sách nâng cao hạn mức cho vay và giảm lãi suất đối với các khoản vay phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn. Ngoài ra, NHNN nên có các chính sách tăng cường hỗ trợ lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp và hộ nông dân tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, cho vay các doanh nghiệp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, NHNN cần phối hợp với các Bộ, ngành tăng cường tìm kiếm và huy động các nguồn lực ưu đãi khác nhằm

tăng cường nguồn vốn tín dụng trung, dài hạn để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Đối với các TCTD trên địa bàn ĐBSCL, cần nghiên cứu và triển khai các loại hình dịch vụ phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp của vùng, tạo điều kiện cho khách hàng dễ tiếp cận với các sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Các TCTD cần tăng cường vốn tín dụng, cho vay với lãi suất và thời hạn thích hợp đối với các dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn vùng ĐBSCL, đặc biệt là hệ thống giao thông của khu vực. Các ngân hàng cần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, có chuyên môn giỏi về tín dụng nông nghiệp, nông thôn để khi cho vay thì có khả năng tư vấn cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất một phương án theo quy trình khép kín từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Đội ngũ nhân viên này cũng có thể tư vấn cho các hộ nông dân phương án kinh doanh, phương án phân phối nguồn lực tài chính hiệu quả để giảm thiểu rủi ro tài chính.

Để những chính sách của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương phát huy mạnh mẽ thì bản thân các doanh nghiệp, hộ nông dân cũng cần phải tự chủ, năng động tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng, chủ động tiếp cận với cán bộ ngân hàng để được hỗ trợ thủ tục vay vốn và tư vấn phương án sản xuất kinh doanh phù hợp. Các doanh nghiệp cần nâng cao khả năng quản trị và quản lý rủi ro, xây dựng phương án sử dụng vốn khả thi và sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích; tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, tiếp cận thông tin thị trường để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo uy tín đối với các TCTD...

Phát triển nông nghiệp, nông thôn khu vực ĐBSCL luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm đặc biệt. Trong thời gian qua, việc phát triển tín dụng nông nghiệp, nông thôn đã có những thành công đáng ghi nhận, song vẫn còn tồn tại không ít những khó khăn, hạn chế. Chính vì vậy, để phát triển tín dụng nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL, song song với sự quan tâm của Chính phủ thì cần có những chính sách tài chính, tín dụng đặc thù phù hợp với từng địa phương trong vùng nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế, phát huy tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp vùng ĐBSCL ■

Phát triển...

(Tiếp theo trang 28)

- Hoàn thiện các quy trình như dự báo lãi suất tỷ giá và quy trình kiểm soát rủi ro đi kèm vì khi cung cấp sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cho khách hàng có thể làm thay đổi quy mô các hoạt động nội bảng và ngoại bảng của ngân hàng.

Đối với NHNN:

- NHNN cần ban hành quyết định mới thay thế cho Quyết định số 62/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006 nhằm quy định chi tiết hơn nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ chéo cũng như quy trình giám sát rủi ro của các NHTM nhằm đảm bảo an toàn của hệ thống và theo kịp những thay đổi trong hoạt động kinh doanh ngân hàng hiện tại nhằm thúc đẩy phát triển của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo.

- NHNN nên có những chính sách truyền thông và định hướng rõ ràng trong việc điều hành chính sách tỷ giá và chính sách tiền tệ làm căn cứ cho các NHTM có thể dự báo lãi suất cũng như tỷ giá khi tiến hành phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo cho khách hàng.

Sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo hay hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền là sản phẩm có nhiều tiện ích và tương đối mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, khi triển khai hoặc áp dụng sản phẩm dịch vụ các NHTM nên xây dựng sẵn các kịch bản như đối tác sẽ đáo hạn hợp đồng sớm hơn so với thỏa thuận, đối tác không thực hiện việc thanh toán định kỳ, việc quản lý dòng tiền phát sinh của đối tác trong hợp đồng... để phát triển sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo tại các NHTM Việt Nam được thành công ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bank of England (2004), *Markets and Operations, Quarterly Bulletin*, Vol. 44-2
2. Basel Committee on Banking Supervision (2004), *Principles for the Management and Supervision of Interest Rate Risk*
3. Naoki Shinada (2005), *Actual factors to determine cross-currency basis swaps: An empirical study on US dollar/Japanese yen basis swap rates from the late 1990s*, Development Bank of Japan
4. UniCredit Bank (2013), *Cross-Currency Swap, Product guide*.
5. Website các ngân hàng thương mại Việt Nam.